TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ - PT
Ngày 17 tháng 3 năm 2023
V/v "Tranh chấp kiện xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trưởng và bà Vũ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 01/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc *"Tranh chấp kiện xin ly hôn, nuôi con chung"*.

Do bản án hôn nhân và gia đình số 54/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1983; nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Nơi ở: Xóm 5, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

* *Bị đơn:* Anh Mai Hiển T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

* *Người kháng cáo*: Bị đơn Anh Mai Hiển T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của các đương sự, vụ án tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Bích D và Anh Mai Hiển T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Hà

Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D khai là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh T không tu chí làm ăn, nhiều lần vay mượn tiền để chơi lô đề cờ bạc, công việc trong gia đình cũng không quan tâm thậm còn đi chơi qua đêm. Chị D cũng đã động viên anh T chịu khó làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nhưng anh T không thay đổi mà có lần còn đánh chị D. Do cuộc sống hôn nhân bế tắc nên năm 2016 chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nhưng do cả hai vẫn mong muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị D lại quay về với anh T. Tuy nhiên khi sống chung vợ chồng vẫn thường xuyên cãi cọ và xúc phạm nhau nặng nề. Vì không thể giải tỏa nổi những căng thẳng trong hôn nhân nên từ tháng 9/2019 chị D lại về quê ngoại ở Ninh Bình. Từ thời gian đó đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Quá trình giải quyết tại tòa bị đơn Anh Mai Hiển T trình bày: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị D đã trình bày là đúng. Anh T khai sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh T, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, vợ chồng bảo ban nhau làm ăn nuôi dậy các con. Tuy đôi lúc cũng có những cãi vã, xung đột nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ phát sinh từ vấn đề kinh tế do anh T làm ăn thua lỗ. Khi chồng gặp khó khăn thì chị D không biết chia sẻ mà lại bỏ đi, thậm chí không quan tâm gì đến con cái. Trong thời gian chung sống chị D bỏ đi rất nhiều lần sau đó lại tự quay về. Tuy nhiên từ khoảng tháng 10/2017 đến nay chị D bỏ đi và không quay lại nữa, cắt đứt tình cảm vợ chồng cũng như sự quan tâm đến các con. Do anh T rất thương các con nên anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dậy con chung, anh T không đồng ý ly hôn với chị D.

* Về con chung: Các đương sự thống nhất, xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Mai Hiển N, sinh ngày 15/10/2010; cháu Mai Thị Huyền T, sinh ngày 17/10/2012. Hiện tại cả hai cháu đều do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp các bên ly hôn, anh T xin được nhận nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng cho con. Chị D cũng đồng ý giao cả hai con chung cho anh T tiếp tục quản lý, nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không có yêu cầu.

Về con riêng, con nuôi, tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Nguyện vọng của các con chung: Từ khi bố mẹ ly thân đến nay các cháu đều ở với bố, được bố chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu đều muốn được bố tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình số 54/2022/HNGĐ - ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân thành phố Phủ Lý đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147, 227, 271, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Bích D và Anh Mai Hiển T.

2/ Về con chung: Giao chị D được nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý, giáo dục cháu Mai Thị Huyền T, sinh ngày 17/10/2012; giao anh T được nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý, giáo dục cháu Mai Hiển N, sinh ngày 15/10/2010 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, Anh Mai Hiển T có đơn kháng cáo không nhất trí ly hôn xin được đoàn tụ, về con chung đề nghị được nuôi hai con chung và yêu cầu chị D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000đ/tháng cho cả 2 con.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị D có quan điểm nhất trí để anh T tiếp tục nuôi dậy hai con chung và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:

Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên toà phúc thẩm chị D nhất trí để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ, nên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của anh T về phần con chung, giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/HNGD-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, về phần con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Anh Mai Hiển T kháng cáo trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét kháng cáo của Anh Mai Hiển T xin được đoàn tụ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng anh T, chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã sinh được hai con chung. Tuy nhiên khi về chung sống hoà thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh T không tu chí làm ăn, nhiều lần vay mượn tiền để chơi lô đề cờ bạc, công việc trong gia đình cũng không quan tâm thậm còn đi chơi qua đêm. Chị D cũng đã động viên anh T chịu khó làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nhưng anh T không thay đổi mà có lần còn đánh chị D năm 2016 chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nhưng do cả hai vẫn mong muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị D lại quay về với anh T. Tuy nhiên khi sống chung vợ chồng vẫn thường xuyên cãi cọ và xúc phạm nhau nặng nề, nên từ tháng 9/2019 chị D lại về quê ngoại ở Ninh Bình. Từ thời gian đó đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh T. Còn anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng và anh chị đã chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2019 đến nay là thực tế. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Bích D và Anh Mai Hiển T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T kháng cáo xin được đoàn tụ nhưng không đứa ra được các biện pháp để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, do vậy kháng cáo của anh T xin đoàn tụ không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo yêu xin được nuôi 2 con chung là cháu Mai Hiển N, sinh ngày 15/10/2010, cháu Mai Thị Huyền T, sinh ngày 17/10/2012 và yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con 6 triệu/ tháng của anh T, thấy: Vợ chồng anh T, chị D có 02 con chung là các cháu Mai Hiển N và cháu Mai Thị Huyền T, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh T. Xét thấy nguyện vọng nuôi con chung là chính đáng của các bên. Hiện tại cả hai cháu đang ở cùng anh T và học tại Trường tiểu học và trung học cơ sở Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, các cháu đều có nguyện vọng

muốn ở cùng với bố. Tại phiên tòa phúc thẩm chị D có quan điểm nhất trí để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu đến khi trưởng thành và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng. Xét thấy sự tự nguyện của chị D là phù hợp quy định pháp luật và để tránh sự xáo trộn việc sinh hoạt, học tập của các cháu, phù hợp với nguyện vọng của hai bên đương sự, nên Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T giao hai con cho chung là cháu Mai Hiển N và cháu Mai Thị Huyền T cho anh T tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý, giáo dục và chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp với thực tế và đảm bảo theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí ly hôn phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh T được cấp phúc thẩm chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số số 54/2022/HNGĐ - ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý về phần con chung.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147, 227, 271, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Bích D và Anh Mai Hiển T.

2/ Về con chung: Giao Anh Mai Hiển T tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý, giáo dục cháu Mai Hiển N, sinh ngày 15/10/2010 và cháu Mai Thị Huyền T, sinh ngày 17/10/2012 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Bích D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí ly hôn phúc thẩm: Anh Mai Hiển T không phải chịu. Trả lại anh T số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001593 ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND xã Trịnh Xá, xã Khánh Nhạc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn San